

Bản án số: 93 /2020/DS-PT
Ngày 31/8/2020
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Hải Vinh; 2. Ông Nguyễn Xuân Thọ

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2020/TLPT-DS ngày 22/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2020/QĐXXPT – DS ngày 09/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2020/QĐPT-DS ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm Văn H, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện X, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn:

1. Ông La Văn Ch, sinh năm 1955. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông Ch:

Bà Lý Thị Nh, sinh năm 1954 (có mặt).

2. Bà Lý Thị Nh, sinh năm 1954 (có mặt).

3. Anh Lý Văn N, sinh năm 1976 (có mặt).

Đều cùng địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện X, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lý Văn T, sinh năm 1981 (có mặt).

2. Anh Lý Văn Ng, sinh năm 1980 (có mặt).

3. Chị Hoàng Thị Ch, sinh năm 1993 (có mặt).

4. Bà Lâm Thị S, sinh năm 1968. (có mặt).

Đều cùng địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện X, tỉnh Bắc Giang.

5. UBND xã S huyện X do ông Hoàng Văn V – Phó Chủ tịch UBND xã làm đại diện theo ủy quyền (Có đơn xin vắng mặt).
6. UBND huyện X do ông Mai Văn D – Phó phòng tài nguyên Môi trường huyện X là đại diện theo ủy quyền (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Lâm Văn H trình bày: Gia đình Ông Lâm Văn H có canh tác diện tích đất 264m² tại xứ đồng SĐ, thôn RT, xã S, đến năm 1999, gia đình ông được UBND huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại tờ bản đồ số 01, thửa đất số 47. Đặc điểm của thửa đất theo như ông trình bày gồm 4 đám ruộng nhỏ liền nhau theo hình bậc thang, bên trên giáp đất nhà ông La Văn Ch, bên dưới giáp đất thôn RT, hai bên là đôi.

Trong quá trình sử dụng, do đặc điểm là chân ruộng cao, không có nước nên gia đình ông có năm canh tác năm không canh tác. Tính đến trước năm 2017 thì gia đình ông đã không canh tác khoảng 05 năm.

Đến năm 2017, gia đình ông quay lại thăm ruộng để canh tác thì phát hiện đất nhà ông bị người khác canh tác, hỏi ra ông mới biết là gia đình ông La Văn Ch và các con ông Ch canh tác, trồng cây xuống đất của gia đình ông. Ông đã nói chuyện với gia đình ông Ch để làm rõ thì ông Ch cho rằng diện tích đất mà gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là diện tích đất mà anh trai ông là Lâm Văn Mừng đã bán cho anh Lý Văn N từ năm 1995. Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện X buộc ông La Văn Ch, bà Lý Thị Nh và anh Lý Văn N phải trả ông diện tích đất 264m² tại khu SĐ, thôn RT, xã S

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông La Văn Ch đã uỷ quyền cho bà Lý Thị Nh (vợ ông) tham gia tố tụng. Bà Lý Thị Nh trình bày:

Gia đình bà có một khu đất tại xứ đồng SĐ thuộc thôn RT, xã S đã được Hợp tác xã chia cho sử dụng từ năm 1991. Gia đình bà có 06 thửa ruộng nhỏ liền nhau từ trên xuống dưới, đến năm 1999, gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình La Văn Ch là chồng bà chủ hộ đứng tên tại Quyết định số 06/QSDĐ/159-QĐ-UB ngày 23/9/1999 của UBND huyện X, tại thửa đất số 28, diện tích đất là 988m². Gia đình bà đã sử dụng thường xuyên từ năm 1991 đến nay, không năm nào bỏ ruộng, đến khi các con bà trưởng thành lập gia đình riêng, bà đã cho các con mỗi người một đám ruộng, cụ thể cho Lý Văn T đám trên cùng, Lý Văn S sử dụng đám thứ hai từ trên xuống, Lý Văn S được sử dụng đám thứ ba và thứ tư, Lý Văn Ng được sử dụng đám số 5 và cuối cùng là Lý Văn N sử dụng đám số sáu. Trong quá trình sử dụng không có tranh chấp gì, con bà là Lý Văn N có mua thêm của gia đình ông Lý Văn M 04 đám ruộng mạ với diện tích khoảng 01 sào ruộng, mua năm 1995 và mua của ông Hoàng Văn N 01 đám, mua của ông Lý Văn Th 01 đám ruộng liền kề với đám ruộng số 06 mà tôi cho N sử dụng.

Đến năm 2017, gia đình bà được UBND xã S mời ra hoà giải về tranh chấp đất đai với gia đình Ông Lâm Văn H, gia đình bà không nhất trí hoà giải. Nay Ông Lâm Văn H khởi kiện bà về việc buộc tôi phải trả diện tích đất 264m² tại khu SĐ, thôn RT, xã S, bà không nhất trí vì diện tích đất trên đã được UBND

huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình nhà bà và gia đình bà đã canh tác ổn định, lâu dài từ năm 1991 nên diện tích đất trên hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của gia đình bà.

Đồng bị đơn anh Lý Văn N trình bày: Gia đình anh có một khu đất tại xứ đồng SĐ thuộc thôn RT, xã S đã được Hợp tác xã chia cho sử dụng từ năm 1991. Gia đình anh có 06 thửa ruộng nhỏ liền nhau từ trên xuống dưới, đến năm 1999, gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình La Văn Ch là bố anh chủ hộ đứng tên tại Quyết định số 00006/QSĐĐ/159-QĐ-UB ngày 23/9/1999 của UBND huyện X, tại thửa đất số 28, diện tích đất là 988m².

Gia đình anh đã sử dụng thường xuyên từ năm 1991 đến nay, không năm nào bỏ ruộng, đến khi anh trưởng thành đã được bố mẹ cho mỗi người một đám để sử dụng, cụ thể cho Lý Văn T đám trên cùng, Lý Văn S sử dụng đám thứ hai từ trên xuống, Lý Văn Sỏi được sử dụng đám thứ ba và thứ tư, Lý Văn Ng được sử dụng đám số năm và cuối cùng là tôi Lý Văn N sử dụng đám số sáu. Trong quá trình sử dụng không có tranh chấp gì, tôi có mua thêm của gia đình ông Lý Văn Mừng 04 đám ruộng mạ với diện tích khoảng 01 sào ruộng, mua năm 1995 và mua của ông Hoàng Văn N 01 đám, mua của ông Lý Văn Th 01 đám ruộng liền kề với đám ruộng số 06 mà anh đang sử dụng.

Đến năm 2017, gia đình anh được UBND xã S mời ra hoà giải về tranh chấp đất đai với gia đình Ông Lâm Văn H, gia đình tôi không nhất trí hoà giải. Nay Ông Lâm Văn H khởi kiện anh về việc buộc anh phải trả diện tích đất 264m² tại khu SĐ, thôn RT xã S, anh không nhất trí vì diện tích đất trên đã được UBND huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình nhà anh do bố anh chủ hộ đứng tên, gia đình anh đã canh tác ổn định, lâu dài từ năm 1991 nên diện tích đất trên hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của gia đình anh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lý Văn T trình bày:

Gia đình anh có một khu đất tại xứ đồng SĐ thuộc thôn RT, xã S đã được Hợp tác xã chia cho sử dụng từ năm 1991. Gia đình anh có 06 thửa ruộng nhỏ liền nhau từ trên xuống dưới, đến năm 1999, gia đình anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông La Văn Chiến là bố anh chủ hộ đứng tên tại Quyết định số 06/QSĐĐ/159-QĐ-UB ngày 23/9/1999 của UBND huyện X, tại thửa đất số 28, diện tích đất là 988m². Gia đình anh đã sử dụng thường xuyên từ năm 1991 đến nay, không năm nào bỏ ruộng, đến khi anh trưởng thành đã được bố mẹ cho mỗi người một đám để sử dụng, cụ thể cho anh đám trên cùng, Lý Văn S sử dụng đám thứ hai từ trên xuống, Lý Văn S được sử dụng đám thứ ba và thứ tư, Lý Văn Ng được sử dụng đám số 5 và cuối cùng là tôi Lý Văn N sử dụng đám số sáu. Trong quá trình sử dụng không có tranh chấp gì, anh N có mua thêm của gia đình ông Lý Văn M 04 đám ruộng mạ với diện tích khoảng 01 sào ruộng, mua năm 1995 và mua của ông Hoàng Văn N 01 đám, mua của ông Lý Văn Th 01 đám ruộng liền kề với đám ruộng số 06 mà anh N đang sử dụng.

Đến năm 2017, gia đình anh được UBND xã S mời ra hoà giải về tranh chấp đất đai với gia đình Ông Lâm Văn H, gia đình tôi không nhất trí hoà giải.

Nay Ông Lâm Văn H khởi kiện về việc buộc gia đình anh phải trả diện tích đất 264m² tại khu SĐ, thôn RT xã S, anh không nhất trí vì diện tích đất trên đã được UBND huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình nhà anh do bố anh chủ hộ đứng tên, gia đình anh đã canh tác ổn định, lâu dài từ năm 1991 nên diện tích đất trên hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của gia đình anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Thị Ch trình bày: Chị là vợ anh Lý Văn Ng, có biết việc Ông Lâm Văn H khởi kiện, từ trước gia đình anh Ng được cấp đất thế nào chị không rõ, chị chỉ biết rằng sau khi kết hôn với anh Ng thì bố mẹ anh Ng có chia cho vợ chồng chị một đám ruộng tại khu SĐ thôn RT nằm trong diện tích đất 988m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình chị vẫn sử dụng ổn định không có tranh chấp gì cho đến khi Ông Lâm Văn H khởi kiện, chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị S (vợ Ông H) nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã về quá trình sử dụng đất nông nghiệp của gia đình Ông Lâm Văn H, ông La Văn Ch tại xứ đồng SĐ, về việc sử dụng đất sau khi hết hạn sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND xã S do ông Hoàng Văn V là đại diện theo ủy quyền có trình bày quan điểm:

Năm 1999, hộ Ông Lâm Văn H trú tại thôn R, xã S, huyện X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 264m² đất nông nghiệp tại thửa số 47, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất: xứ đồng SĐ, thôn RT, xã S, huyện X.

Năm 1999, hộ ông La Văn Ch trú tại thôn R, xã S, huyện X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 988m² đất nông nghiệp tại thửa số 28, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất: xứ đồng SĐ, thôn RT, xã S, huyện X.

Hộ gia đình Ông Lâm Văn H có thời gian nào sử dụng diện tích 264m² đất ruộng tại thửa số 47, tờ bản đồ số 01, ở xứ đồng SĐ hay không thì ủy ban không rõ. Hộ gia đình ông La Văn Ch sử dụng diện tích đất ruộng tại thửa số 28, tờ bản đồ số 01, ở xứ đồng SĐ từ năm 1992, sử dụng đến năm 1999 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tiếp tục sử dụng liên tục, ổn định, không có tranh chấp đến năm 2017.

Năm 1999 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hai hộ thì UBND xã S chưa có bản đồ địa chính và đến nay Ủy ban xã cũng không có sơ đồ các thửa ruộng được cấp giấy chứng nhận. Vì vậy, UBND xã không thể xác định được vị trí 264m² đất ruộng tại thửa số 47, tờ bản đồ số 01, ở xứ đồng SĐ đã cấp giấy chứng nhận cho gia đình Ông Lâm Văn H.

Khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp của các hộ hết thời hạn sử dụng đất thì hộ nào đang sử dụng đất ổn định, liên tục được tiếp tục sử dụng đất và đề nghị cấp lại giấy chứng nhận; hộ nào không có nhu cầu sử dụng

đất hoặc thực tế không sử dụng đất thì UBND huyện sẽ xem xét giao phần đất đó cho hộ khác sử dụng.

Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện X, ông Mai Văn D, Phó phòng Tài nguyên Môi trường huyện X có ý kiến: Ngày 23/3/1999, UBND huyện X ban hành Quyết định số 159/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nội dung quyết định có ghi cấp 694 Giấy chứng nhận cho 419 chủ sử dụng đất tại Xa lý, trong đó có hộ Ông Lâm Văn H và hộ ông La Văn Ch, cụ thể:

+ Hộ Ông Lâm Văn H được cấp Giấy chứng nhận có vào sổ 00012 với diện tích 1.800m² đất trồng lúa, gồm 03 thửa, trong đó có thửa tại xứ đồng SĐ, với diện tích 264m². Trong danh sách các chủ sử dụng đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSD đất có sai sót ghi là Lý Văn H.

+ Hộ ông La Văn Ch được cấp giấy chứng nhận có vào sổ 00006, gồm 06 thửa với tổng diện tích là 3.388m² đất trồng lúa. Trong đó có thửa tại xứ đồng SĐ với diện tích 988m². Tuy hai hộ đều có thửa đất tại xứ đồng SĐ, nhưng không đủ cơ sở để khẳng định 02 thửa đất của 02 hộ có liền kề nhau hay không, việc cấp giấy chứng nhận cho 02 hộ có bị chồng lấn hay không.

Các giấy chứng nhận được cấp theo Quyết định số 159/QĐ-UB ngày 23/3/1999 của UBND huyện X dựa trên các hộ, cá nhân tự kê khai. Do đó, không thể chính xác như đo đạc bằng máy móc hiện đại như hiện nay, nên việc diện tích đo thực tế tăng hoặc giảm so với giấy chứng nhận QSD đất đã cấp thì không có ý kiến gì.

Toà án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành thu thập chứng cứ tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện X, yêu cầu ung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình Ông Lâm Văn H và ông La Văn Ch tại xứ đồng SĐ, thôn RT. Kết quả cho thấy, tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm năm 1999, chỉ có tổng số thửa của từng hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của từng hộ và tổng diện tích đất cấp cho từng hộ gia đình. Đến nay trên địa bàn xã S chưa có bản đồ địa chính, không có sơ đồ các thửa ruộng nên không thể xác định được vị trí 264m² đất ruộng tại thửa số 47, tờ bản đồ số 01, ở xứ đồng SĐ đã cấp giấy chứng nhận cho gia đình Ông Lâm Văn H.

Toà án đã tiến hành thành lập Hội đồng thẩm định, định giá tài sản các bên đang tranh chấp. Hội đồng thẩm định đã tiến hành xác định vị trí diện tích đất tranh chấp theo nguyên đơn xác định, Hội đồng thẩm định tiến hành đo toàn bộ diện tích đất gi đình ông La Văn Ch được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và theo sự các định của Ông Lâm Văn H xác định tài sản trên đất cụ thể như sau: Tổng diện tích trong 6 thửa ruộng nhà ông La Văn Ch tại khu SĐ là 1513,5m², trên đất trồng cây vải thiều, cây cam, cây táo, cây đu đủ cụ thể:

+ 37 cây vải, đường kính tán từ 01 đến 1,5m x 117.500 đ/cây = 6.568.000 đồng.

+ 44 cây bưởi đường kính gốc từ 02 đến 5cm x 335.000/1 cây = 14.740.000 đồng.

+ 03 cây chanh (cây trồng từ 01 năm trở lên x 58.000đ/01 cây = 174.000 đồng;

+ 03 cây đu đủ có chiều cao trên 1,3m x 88.000đ/1cây = 264.000 đồng.

+ 01 cây đu đủ trồng trên 09 tháng thấp dưới 1,3m x 43.000 đồng/1 cây = 43.000 đồng.

+ 07 cây táo có đường kính gốc từ 2 đến 5cm x 103.000 đồng/1 cây = 721.000 đồng;

+Diện tích đất nông nghiệp là 1.513,5m² x 56.000/1m² = 84.756.000 đồng.

Với nội dung trên; Tòa án nhân dân huyện X đã xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Lâm Văn H về việc buộc ông La Văn Ch, bà Lý Thị Nh, anh Lý Văn N trả 264m² đất tại xứ đồng SĐ, thôn RT, xã S, huyện X, tỉnh Bắc Giang.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Lâm Văn H phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/5 và ngày 13/7/2020 bà Lâm Thị S làm đơn kháng cáo số 06/DS-ST ngày 19/5/2020 của TAND huyện X.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo; bị đơn giữ nguyên quan điểm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án buộc trả lại diện tích đất 264m². Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Sái; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang; Xét kháng cáo của bà Lâm Thị S thì thấy:

Năm 1999, hộ Ông Lâm Văn H trú tại thôn R, xã S, huyện X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 264m² đất nông nghiệp tại thửa số 47, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất: xứ đồng SĐ, thôn RT, xã S, huyện X.

Năm 1999, hộ ông La Văn Ch trú tại thôn R, xã S, huyện X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 988m² đất nông nghiệp tại thửa số 28, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất: xứ đồng SĐ, thôn RT, xã S, huyện X.

Hộ gia đình Ông Lâm Văn H có thời gian sử dụng diện tích 264m² đất ruộng tại thửa số 47, tờ bản đồ số 01. Tuy nhiên, do không thường xuyên canh tác, bỏ ruộng nhiều năm nên khi phát sinh tranh chấp Ông Lâm Văn H không xác định được chính xác vị trí diện tích đất nhà ông tại xứ đồng SĐ, thôn RT. Hơn nữa qua làm việc tại UBND xã S đã xác nhận. Hộ gia đình ông La Văn Ch sử dụng diện tích đất ruộng tại thửa số 28, tờ bản đồ số 01, ở xứ đồng SĐ từ năm 1992, sử dụng đến năm 1999 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tiếp tục sử dụng liên tục, ổn định, không có tranh chấp đến năm 2017.

Năm 1999, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hai hộ thì UBND xã S chưa có bản đồ địa chính và đến nay Ủy ban xã cũng không có sơ đồ các thửa ruộng được cấp giấy chứng nhận. Vì vậy, UBND xã S không thể xác định được vị trí 264m² đất ruộng tại thửa số 47, tờ bản đồ số 01, ở xứ đồng SĐ đã cấp giấy chứng nhận cho gia đình Ông Lâm Văn H.

Hơn nữa, đại diện theo ủy quyền của UBND huyện X có quan điểm: Tuy hai hộ đều có thửa đất tại xứ đồng SĐ, nhưng không đủ cơ sở để khẳng định 02 thửa đất của 02 hộ có liền kề nhau hay không, việc cấp giấy chứng nhận cho 02 hộ có bị chồng lấn hay không.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy gia đình Ông Lâm Văn H mặc dù đã được UBND huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xứ đồng SĐ, thôn RT, xã S với diện tích 264 m² nhưng quá trình sử dụng không thường xuyên, bỏ nhiều năm, gia đình ông La Văn Ch sử dụng đất nông nghiệp tại xứ đồng SĐ, thôn RT, xã S từ năm 1991, đến năm 1999 được UBND huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 988m², diện tích đo thực tế là 1.553,5m². Quá trình sử dụng đất thường xuyên, ổn định không có tranh chấp gì với ai, không dôn điền đổi thửa cho đến năm 2017. Tại buổi thẩm định, định giá tài sản, các bên đương sự đều xác định

rõ 6 thửa ruộng liền kề nhau theo hình bậc thang có bờ ranh giới cụ thể chưa bị phá bỏ. Quá trình giải quyết vụ án, hộ Ông Lâm Văn H trình bày không thống nhất về diện tích đất tranh chấp, theo đơn khởi kiện Ông H đề nghị hộ ông Ch trả 04 đám ruộng, tại buổi thẩm định định giá tài sản Ông H xác định tranh chấp 02 đám ruộng cho thấy Ông H không xác định rõ phần đất ruộng của gia đình được giao là thửa ruộng nào. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự cũng không xuất trình được thêm tài liệu chứng cứ nào mới để bảo vệ quyền lợi của mình.

Về xác định vị trí các thửa đất của các hộ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hai hộ gia đình ghi rõ số thửa đất số tờ bản đồ, diện tích đất địa chỉ thửa ruộng nhưng trong hồ sơ cấp đất không có sơ đồ khu đất cấp cho hai hộ nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai không xác định vị trí các thửa đất trên thực tế. UBND xã S không có sơ đồ khu đất để quản lý việc sử dụng của hai hộ gia đình nên UBND xã không xác định được diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai hộ trên thực tế ở đâu. Do UBND xã S chưa có bản đồ địa chính; thời điểm cấp giấy chứng nhận sử dụng đất không lưu sơ đồ các khu đất được cấp. Hiện nay UBND xã S không có sơ đồ khu đất các hộ đang sử dụng thực tế nên không có căn cứ nào để xác định vị trí thửa đất cấp cho hai hộ ngoài lời trình bày của các bên.

Xét thấy, hộ gia đình ông La Văn Ch đã sử dụng đất ổn định từ trước khi được cấp giấy, sau khi hai hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có thời gian hai hộ cùng sử dụng đất như lời trình bày của Ông Lâm Văn H về việc lần chiếm đất là không có căn cứ. Mặt khác, diện tích đất giao cho hai hộ gia đình đều đã hết thời hạn sử dụng từ năm 2013, hộ ông ông không sử dụng đất từ trước khi hết hạn sử dụng đất từ năm 2012 đến nay.

Theo các tài liệu khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý đất đai tại địa phương hiện nay thì không xác định được vị trí hai thửa đất của hai hộ trên thực tế, không xác định được việc hộ ông Ch lần chiếm đất của Ông H là có hay không có. Theo lời trình bày của các bên, các hộ sử dụng đất liền kề và việc quản lý quá trình sử dụng đất của UBND xã S thì hộ ông Ch sử dụng đất liên tục không có tranh chấp từ năm 1992 đến năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lâm Văn H đòi gia đình ông La Văn Ch diện tích 264m² đất ruộng là có căn cứ. Do vậy, Kháng cáo của bà Lâm Thị S là không có căn cứ để chấp nhận.

Về chi phí thẩm định, định giá: Do yêu cầu của Ông Lâm Văn H không có căn cứ chấp nhận nên Ông Lâm Văn H phải chịu chi phí tố tụng.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lâm Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Lâm Thị S là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị S, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện X đã xử.

Căn cứ Điều 105 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. **Xử:**

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Lâm Văn H về việc buộc ông La Văn Ch, bà Lý Thị Nh, anh Lý Văn N trả 264m2 đất tại xứ đồng SĐ, thôn RT, xã S, huyện X, tỉnh Bắc Giang.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Lâm Văn H phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Lâm Văn H và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lâm Thị S..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND T. Bắc Giang;
- TAND huyện Lục Ngạn;
- Cục THA dân sự tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Quyết

Số: 09/2020/QĐ-SCBSBA

Lục Ngạn, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do sai sót khi soạn thảo văn bản trong Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 19/5/2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” của Tòa án nhân dân huyện X giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông Lâm Văn H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:**

1. Ông La Văn Ch, sinh năm 1955

2. Bà Lý Thị Nh, sinh năm 1954

3. Anh Lý Văn N, sinh năm 1976

Đều cùng địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện X, tỉnh Bắc Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện X như sau:

Tại dòng thứ 14 từ dưới lên, trang 1 của Bản án trên đã ghi:

“**Nguyên đơn:** Ông Lâm Văn H, sinh năm 1954 (Có mặt).”

Nay sửa chữa như sau:

“**Nguyên đơn:** Ông Lâm Văn H, sinh năm 1973 (Có mặt).”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- CCTHADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Khiết